

Bản án số: 135/2019/DS - PT
Ngày: 09/8/2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Ông Đặng Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***
Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLPT- DS, ngày 06 tháng 6 năm 2019. Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DSST, ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2019/QĐPT- DS, ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Hồ Doan T**, sinh năm 1973.

Cư trú: Ấp Phú N, xã Song P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Bị đơn:***

Bà **Lưu Thị Kim L**, sinh năm 1970.

Ông **Trần Văn R**, sinh năm 1965.

Cùng cư trú: Ấp Long C, xã Phú L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà L và ông R là ông Phùng Quang Th, sinh năm 1969. Cư trú: Số 76/6, khóm 5, phường 9, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- ***Người kháng cáo:*** Bà Lưu Thị Kim L, ông Trần Văn R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Hồ Đoan Tr trình bày:

Vào ngày 10/11/2017, chị Tr có cho vợ chồng bà L và ông R vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay thì hai bên không có làm biên nhận nợ nhưng hai bên có lập tờ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản tiền vay, lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, thời hạn vay là 24 tháng. Khi vay thì phía bà L và ông R có thế chấp phần đất thửa 1405, tờ bản đồ số 1, diện tích là 116,4m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa 1404, tờ bản đồ số 1, diện tích là 126,9m², loại đất trồng cây lâu năm, đất cùng tọa lạc tại ấp 8, xã Mỹ L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lưu Thị Kim L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi thế chấp thì hai bên có làm hợp đồng theo mẫu quy định của pháp luật và có xác nhận của Văn phòng công chứng Tạ Thị Th. Sau khi vay thì phía bà L và ông R không có trả gốc và lãi cho phía chị Trang.

Tiếp đến vào ngày 19/12/2017, chị T có cho vợ chồng bà L và ông R vay số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Khi vay thì hai bên có làm biên nhận nợ với nhau (bà L có ký vào tờ biên nhận vay ngày 19/12/2017), lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, thời hạn vay thì hai bên không có thỏa thuận. Sau khi vay thì phía bà L và ông R không có trả gốc và lãi cho phía chị T

Vào ngày 28/12/2017, chị T có cho vợ chồng bà Loan và ông R vay số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi vay thì hai bên có làm biên nhận nợ với nhau (ông R có ký vào tờ biên nhận vay ngày 28/12/2017), lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, thời hạn vay thì hai bên không có thỏa thuận. Sau khi vay thì phía bà L và ông R không có trả gốc và lãi cho phía chị T

Vào ngày 23/9/2018, chị T có cho vợ chồng bà L và ông R vay số tiền là 132.500.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng). Khi vay thì hai bên có làm biên nhận nợ với nhau (bà L có ký vào tờ biên nhận vay ngày 23/9/2018), lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, thời hạn vay thì hai bên không có thỏa thuận. Sau khi vay thì phía bà L và ông R không có trả gốc và lãi cho phía chị Trang.

Tổng số tiền vốn gốc mà bà L và ông R vay của chị T qua 04 lần vay là 307.500.000đ (Ba trăm lẻ bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Chị T có đến gặp bà L

và ông R yêu cầu trả lại số tiền vay nhưng phía bà L và ông R không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay chị T yêu cầu bà L và ông R trả lại số tiền vay tổng cộng là 307.500.000đ (Ba trăm lẻ bảy triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Đối với tài sản thế chấp là phần đất thửa 1405, tờ bản đồ số 1, diện tích là 116,4m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa 1404, tờ bản đồ số 1, diện tích là 126,9m², loại đất trồng cây lâu năm, đất cùng tọa lạc tại ấp 8, xã Mỹ L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lưu Thị Kim L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phía chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Phía bị đơn là bà Lưu Thị Kim L và ông Trần Văn R có ông Phùng Quang Th làm đại diện theo ủy quyền Tòa án sơ thẩm đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho bà L và ông R nhưng bà L và ông R không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tổng đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì bà L và ông R cũng không tham dự.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:03/2019/DSST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam B đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Đoan T. Buộc phía bị đơn là bà Lưu Thị Kim L và ông Trần Văn R có ông Phùng Quang T làm đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm trả cho chị Hồ Đoan T số tiền là 307.500.000^d (Ba trăm lẻ bảy triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu lãi suất.

Do phía chị Hồ Đoan T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với tài sản thế chấp là phần đất thửa 1405, tờ bản đồ số 1, diện tích là 116,4m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa 1404, tờ bản đồ số 1, diện tích là 126,9m², loại đất trồng cây lâu năm, đất cùng tọa lạc tại ấp 8, xã Mỹ L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long do bà Lưu Thị Kim L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 02/4/2019 ông Trần Văn R, bà Lưu Thị Kim L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính xem xét phần tiền lãi mà ông bà đóng cho chị Trang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay sự có mặt của các thành viên, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn R. Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có nộp thêm chứng cứ nào khác. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 19/3/2019 đến ngày 02/4/2019 ông Trần Văn R và bà Lưu Thị Kim L kháng cáo là hợp lệ có nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông R và bà L yêu cầu xem xét phần tiền lãi ông bà đã đóng cho chị T. Chị T thì cho rằng ông R bà L không có đóng lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm ông R và ông T cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh là có đóng lãi cho chị Trang. Vì vậy không có căn cứ ông R bà L có đóng lãi cho

chị T để trừ vào số tiền vay gốc nên không chấp kháng cáo của ông R và bà L về phần tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn R yêu cầu trả cho chị T số tiền vay 10.000.000đồng mà ông ký nhận ngày 28/12/2017 và 150.000.000đồng tiền vay có làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 10/11/2017 đối với thửa đất 1405 và thửa đất 1404, số tiền này ông tự nguyện trả cho chị T một mình không yêu cầu bà L liên đới cùng ông trả. Tổng cộng ông phải trả cho chị T số tiền 160.000.000đồng. Riêng số tiền vay 132.500.000 theo biên nhận ngày 23/9/2018 (âm lịch) và số tiền 15.000.000đồng theo biên nhận vay ngày 23/9/2018 (âm lịch), tổng cộng là 147.500.000đồng bà L có trách nhiệm trả cho chị T. Đồng thời ông yêu cầu vô hiệu hợp đồng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 10/11/2017 đối với hai thửa đất 1405 và thửa đất 1404 và giao trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng ông. Đồng thời ông T người đại diện theo ủy quyền của chị L và ông R thống nhất ý kiến của ông R

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T cũng thống nhất ý kiến ông R là cho ông R có trách nhiệm trả cho chị T số tiền vay tổng cộng là 160.000.000đồng, bà Loan có trách nhiệm trả cho chị T số tiền vay tổng cộng là 147.500.000đồng và chị T thống nhất vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 10/11/2017 đối với hai thửa đất 1405 và thửa đất 1404, chị T sẽ trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông R bà L

Xét thấy thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 03/2019/DSST, ngày 19 tháng 3 năm 2019 buộc ông Trần Văn R trả cho chị Hồ Đoan T số tiền 160.000.000đồng. Bà Lưu Thị Kim L có trách nhiệm trả cho chị Hồ Đoan T số tiền vay 147.500.000đồng. Vô hiệu hợp đồng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 10/11/2017 đối với hai thửa đất 1405 và thửa đất 1404 giữa bà Lưu Thị Kim L, ông Trần Văn R và chị Hồ Đoan T. Chị Hồ Đoan T có nghĩa vụ giao trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 1405 và thửa 1404 cho bà L.

[3] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 147,148, Điều 273 và Điều 276, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị Kim L ông Trần Văn R về phần tiền lãi. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DSST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam B

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Đoan T

Buộc ông Trần Văn R trả cho chị Hồ Đoan T số tiền vay 160.000.000đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng)

Buộc bà Lưu Thị Kim L có trách nhiệm trả cho chị Hồ Đoan T số tiền vay 147.500.000đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

2. Vô hiệu hợp đồng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 10/11/2017 đối với thửa 1405, tờ bản đồ số 1, diện tích là 116,4m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa 1404, tờ bản đồ số 1, diện tích là 126,9m², loại đất trồng cây lâu năm, đất cùng tọa lạc tại ấp 8, xã Mỹ L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long

3. Chị Hồ Đoan T có trách nhiệm vụ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1405, tờ bản đồ số 1, diện tích là 116,4m², loại đất trồng cây lâu năm số hiệu AK 523179 và thửa 1404, tờ bản đồ số 1, diện tích là 126,9m², loại đất trồng cây lâu năm số AK 523178 đất cùng tọa lạc tại ấp 8, xã Mỹ Lộc, huyện Tam B tỉnh Vĩnh Long cho bà Lưu Thị Kim L

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí :

Án phí sơ thẩm: Chị Hồ Đoan T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Hồ Đoan T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 7.687.500 đồng theo phiếu thu số 0011420 ngày 05/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam B

Bà Lưu Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.375.000 đồng (bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Ông Trần Văn R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Án phí phúc thẩm: Bà Lưu Thị Kim L và ông Trần Văn R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp cho bà Lưu Thị Kim L và ông Trần Văn R mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011713 ngày 12/4/2019 và biên lai số 0011714 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình cho bà

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC Tại TP.HCM;
- VKSND TVL;
- TAND huyện TB;
- VKSDND huyện TB;
- Chi cục THADS.huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Ngừng

